

Sổ Điểm

Học phần Kỹ năng làm việc (SKI2015)

Lớp GD16306_3

Thời gian 2022-05-10 - 2022-06-16

Học kỳ Summer 2022 - Block 1

#	Mã sinh viên	Họ và tên	Bài học online (10%)	Bài kiểm tra (MBTI) (5%)	Document (10%)	Đánh giá Assignment GD 1 (10%)	Đánh giá Assignment GD2 (10%)	Điểm CV (5%)	Điểm thực hành cá nhân (10%)	Hoạt động trên lớp (10%)	Presentation (30%)	Điểm tổng kết	Trạng thái
1	PS15384	Võ Nhật Hùng	9.9	7.0	7.0	7.5	7.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.3	Đạt
2	PS15406	Huỳnh Thuận Phát	9.9	8.0	7.0	7.5	7.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.4	Đạt
3	PS15415	Nguyễn Thanh Sơn	7.5	7.0	7.0	7.5	7.0	6.5	7.0	7.0	8.0	7.4	Đạt
4	PS15418	Mai Thanh Huy	9.9	8.0	7.0	7.0	7.0	6.5	0.0	8.0	7.8	7.0	Đạt
5	PS15423	Nguyễn Cao Khánh Duy	9.9	7.0	7.0	7.5	7.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.3	Đạt
6	PS15427	Võ Huy Hoàng	9.9	7.0	7.5	7.5	7.0	7.0	7.5	7.0	8.0	7.7	Đạt
7	PS15429	Nguyễn Hoàng Anh	9.9	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	0.0	8.0	7.8	6.9	Đạt
8	PS15436	Lê Vũ Duy Khôi	9.9	7.0	7.5	7.5	7.0	6.5	7.0	7.0	8.0	7.7	Đạt
9	PS15442	Trần Sơn Hải	9.9	8.0	7.0	7.0	7.0	6.5	0.0	8.0	7.8	7.0	Đạt
10	PS15443	Trần Thị Thúy An	9.2	7.0	7.5	7.5	7.0	6.5	0.0	7.0	8.0	6.9	Đạt
11	PS15451	Huỳnh Thanh Vũ	9.9	8.0	7.0	7.5	7.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.4	Đạt
12	PS15455	Trần Quốc Tài	9.6	7.0	6.0	6.5	8.0	6.5	7.0	6.5	7.5	7.3	Đạt
13	PS15457	Nguyễn Quang Duy	9.8	8.0	7.0	7.5	7.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.4	Đạt
14	PS15461	Đỗ Đức Anh	9.9	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.8	7.8	Đạt
15	PS15463	Mai Bảo Khanh	9.9	8.0	7.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.4	Đạt
16	PS15464	Nguyễn Hoàng Anh Khải	8.9	7.0	7.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.0	7.0	7.3	Đạt
17	PS15466	Nguyễn Duy Khánh	9.9	7.0	7.5	7.5	7.0	6.5	7.5	7.0	8.0	7.7	Đạt
18	PS15469	Thùy Lê Vy	9.6	7.0	7.5	7.5	7.0	6.5	7.5	7.0	8.0	7.7	Đạt
19	PS15544	Khuu Tấn Nân	9.9	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.1	Đạt
20	PS18184	Nguyễn Văn Hòa	9.9	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.1	Đạt
21	PS18245	Nguyễn Cát Tường	9.9	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.5	7.1	Đạt
22	PS18471	Đặng Quốc Cường	7.5	7.0	6.0	6.5	7.0	6.5	7.5	7.0	7.5	7.1	Đạt
23	PS18472	Nguyễn Trần Diệu Huyền	9.9	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.2	Đạt
24	PS18479	Võ Gia Trung	9.9	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.2	Đạt
25	PS18497	Huỳnh Bảo Nam	8.8	8.0	7.0	7.0	6.0	7.0	7.5	7.0	6.5	7.0	Đạt
26	PS18502	Lê Hồ Quý Nhi	9.9	8.0	7.5	8.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.1	Đạt
27	PS18510	Trần Thị Ngọc Điệp	9.6	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	Đạt
28	PS18537	Bùi Khánh Đăng	9.9	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	0.0	7.0	6.5	6.4	Đạt
29	PS18574	Lê Trần Quỳnh Như	9.4	8.0	7.0	7.0	6.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	Đạt
30	PS18631	Uông Gia Uy	9.9	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.2	Đạt
31	PS18634	Nguyễn Kiều Trinh	9.9	7.0	7.0	7.0	6.0	6.0	7.5	7.0	6.5	7.0	Đạt
32	PS18643	Nguyễn Phạm Anh Hiến	9.9	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	6.5	7.2	Đạt
33	PS18665	Hồ Thanh Tuấn	9.9	8.0	7.0	7.0	6.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.1	Đạt
34	PS18789	Lê Hồng Ân	9.9	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.2	Đạt
35	PS19052	Nguyễn Lê Minh Quân	9.9	8.0	6.0	6.5	8.0	6.0	7.5	6.5	7.5	7.4	Đạt
36	PS19054	Đặng Trần Minh Đức	9.6	8.0	7.0	7.0	6.0	6.0	7.5	7.0	6.5	7.1	Đạt

Chủ nhiệm bộ môn

Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2022
Giảng viên phụ trách